

CÁC YẾU TỐ CHÊM XEN VÀ HIỆN TƯỢNG “IẾC” HÓA TRONG TIẾNG VIỆT

Vũ Văn Thi

*Khoa Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài
Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội*

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập - âm tiết tính điển hình. Âm tiết có cấu trúc chặt chẽ, tối đa chỉ có năm thành phần là: Âm đầu + âm đệm + âm chính + âm cuối + thanh điệu. Có thể nói, các âm tiết đều có nghĩa - một đơn vị có nghĩa nhỏ nhất, tức là âm tiết trong tiếng Việt trùng với hình vị trong các ngôn ngữ Ấn - Âu. Từ trong tiếng Việt được cấu tạo từ một âm tiết hoặc một kết hợp nhiều âm tiết. Vì vậy, từ trong tiếng Việt được phân chia thành hai loại là từ đơn và từ ghép. Từ đơn là từ một âm tiết. Từ ghép là từ có từ hai âm tiết trở lên. Trong từ ghép, số lượng từ có hai âm tiết, được gọi là từ song tiết, chiếm số lượng lớn nhất.

Do đặc trưng của phần lớn âm tiết tiếng Việt có khả năng hoạt động độc lập và có nghĩa nên trong tiếng Việt có những hiện tượng rất độc đáo. Đó là khả năng chia cắt từ, chêm xen, thêm các yếu tố vào từ để tạo nghĩa, mang sắc thái tu từ. Bài viết này chỉ tập trung khảo sát một số vấn đề về hiện tượng chêm xen và hiện tượng “iéc” hoá.

1. Hoạt động của các yếu tố chêm xen trong tiếng Việt

Trong hoạt động của từ tiếng Việt, chúng ta thường thấy có các yếu tố chêm xen, thêm vào chia cắt các từ ghép nhất là với các từ song tiết để tạo nên sắc thái biểu cảm nhất định như:

học hành	-	học với chả hành
ăn nói	-	ăn với chả nói

xinh đẹp

-

xinh với chả đẹp

...

Đối với người Việt, việc thêm các yếu tố chêm xen để tạo sắc thái biểu cảm cho câu nói là hết sức bình thường nhưng đối với người nước ngoài đang học tiếng Việt thì hiện tượng chêm xen này lại gây nên không ít khó khăn bởi những lí do sau:

- Các yếu tố chêm xen ngắt mạch liên kết từ vựng bình thường khi tư duy tiếp nhận ngôn ngữ của người học còn đang trong quá trình hình thành, chưa đạt được mức ổn định.

- Các yếu tố chêm xen làm cho quá trình nghe - tiếp nhận - hiểu trở nên khó khăn hơn vì họ phải tiếp nhận một đơn vị ngôn ngữ dài hơi hơn để có được một thông điệp.

- Các yếu tố chêm xen này khi nào nên sử dụng, khi nào không nên sử dụng? Nếu sử dụng, nó sẽ có hiệu ứng gì trong giao tiếp? Đó là những vấn đề không dễ dàng gì cho người nước ngoài khi sử dụng tiếng Việt.

2. Các yếu tố chêm xen có thể phân loại như sau

- Các yếu tố chêm xen chen vào giữa từ thể hiện thái độ chê bai hoặc chế giễu bằng các yếu tố: với, với chả, với chẳng:

Ví dụ:

* Chen vào giữa động từ:

- ăn nói: ăn với nói - ăn với chả nói - ăn với chẳng nói.

- ngủ nghê: ngủ với nghê - ngủ với chả nghê - ngủ với chẳng nghê.

- học hành: học với hành - học với chả hành - học với chẳng hành.

* Chen vào giữa tính từ:

- xinh đẹp: xinh với đẹp - xinh với chả đẹp - xinh với chẳng đẹp.

- to cao: to với cao - to với chả cao - to với chẳng cao.

- mệnh mông: mệnh với mông - mệnh với chả mông - mệnh với chẳng mông.

* Chen vào giữa danh từ:

- nhà cửa: nhà với cửa - nhà với chǎ cửa - nhà với chǎng cửa.

- đường xá: đường với xá - đường với chǎ xá - đường với chǎng xá.

- thuốc thang: thuốc với thang - thuốc với chǎ thang - thuốc với chǎng thang.

3. Hiện tượng “iéc” hoá, một phương tiện biểu thị tình thái đặc biệt trong tiếng Việt

Yếu tố “iéc” được dùng kèm với từ thể hiện ý mỉa mai là một hiện tượng đặc biệt của tiếng Việt, vừa thể hiện đặc trưng của âm tiết ngôn ngữ đơn lập vừa thể hiện phương thức biến âm cấu tạo từ làm thời một cách độc đáo trong điều kiện bị hạn chế chặt chẽ của cấu trúc âm tiết và sự giảm thiểu tối đa tác động của trọng âm, ngữ điệu của ngôn ngữ thanh điệu tính. Mặt khác, hiện tượng “iéc” hóa còn thể hiện quy luật song tiết hoá và luật láy âm của từ tiếng Việt.

Thanh điệu của âm tiết “iéc” hoá thường chỉ có hai thanh: thanh điệu cao nhất và thanh điệu thấp nhất là thanh sắc và thanh nặng.

* “Iéc” hoá từ đơn:

Ví dụ: Động từ: học - học hiéc

- làm - làm liéc

- viết - viết

.....

Tính từ: - đẹp - đẹp điéc

- mới - miéc

- to - to tiéc

.....

Danh từ: - nhà - nhiệc

- bút - biéc

- sách - siéc

.....

* “Iếc” hoá các từ song tiết: Hiện tượng “iếc” hoá cũng xảy ra với các từ song tiết nhưng không phổ biến bằng sự “iếc” hoá các từ đơn.

Ví dụ:

Động từ “iếc” hoá: - học tập - học tập học tiệc
 - viết lách - viết lách viết liếc
 - mua bán - mua bán mua biếc

.....

Tính từ “iếc” hoá: - xinh đẹp - xinh đẹp xinh điệc
 - vĩ đại - vĩ đại vĩ điệc
 - cao cả - cao cả cao kiệc

.....

Danh từ “iếc” hoá: - con gái - con gái con giếc
 - nhà cửa - nhà cửa nhà kiệc
 - giấy tờ - giấy tờ giấy tiệc

.....

Hiện tượng “iếc” hoá chỉ đi với hai thanh điệu là thanh huyền và thanh nặng, việc sử dụng thanh điệu nào là tùy ý, chủ yếu là nghe hợp thanh với toàn khối. Tuy nhiên, khi dùng thanh nặng, người ta cảm thấy sự bộc lộ thái độ có vẻ mạnh mẽ hơn.

Như trên chúng ta vừa khảo sát khả năng chêm xen các yếu tố vào từ ghép và hiện tượng “iếc” hoá để tạo sắc thái biểu cảm; mặt khác, trong tiếng Việt còn có kết hợp lồng ghép cả hai yếu tố đó.

Ví dụ:

- học: học hiếc - học với hiếc - học với chả hiếc - học với chẳng hiệc.
- tiếp: tiếp tiếc - tiếp với tiếc - tiếp với chả tiếc - tiếp với chẳng tiệc.
- đá: đá điếc - đá với điếc- đá với chả điếc - đá với chẳng điệc.

Từ những khảo sát trên, ta thấy các yếu tố chêm xen, và hiện tượng “iếc” hoá trong tiếng Việt biểu thị tình thái là một hiện tượng rất đặc biệt trong tiếng Việt. Nó không chỉ thể hiện sự phong phú của tiếng Việt mà còn thể hiện sự uyển chuyển trong cách sử dụng từ để biểu thị các cung bậc tình cảm của người Việt. Vì vậy, việc quan tâm

dạy các yếu tố này cho sinh viên nước ngoài là một việc làm rất cần thiết và bổ ích, giúp người học có thể sử dụng tiếng Việt một cách uyển chuyển và sinh động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

A. Giáo trình Tiếng Việt cơ sở

1. Nhiều tác giả (1980), *Giáo trình Tiếng Việt thực hành* (2 tập), Khoa tiếng Việt ĐHTH Hà Nội.
2. Bùi Phụng (Chủ biên) (1986), *Giáo trình Tiếng Việt thực hành cho người nước ngoài* (dành cho sinh viên Campuchia) (2 tập), Khoa Tiếng Việt ĐHTH Hà Nội.
3. Bùi Phụng (Chủ biên) (1992), *Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài*, Khoa Tiếng Việt ĐHTH Hà Nội.
4. Đặng Văn Đạm (1995), *Tiếng Việt cho người nước ngoài* (Le Vietnamien Aux Etrangers - cours Intensif), khoa Tiếng Việt, ĐHTH Hà Nội.
5. Mai Ngọc Chừ (1995), *Tiếng Việt cho người nước ngoài - Vietnamese for foreigners*, Trung tâm hợp tác nghiên cứu Việt Nam, Hà Nội.
6. Nguyễn Anh Quế (1996), *Giáo trình Tiếng Việt cho người nước ngoài - Vietnamese for foreigners*, Hà Nội.
7. Phan Văn Giưỡng và Nguyễn Anh Quế (1996), *Giáo trình Tiếng Việt - Vietnamese*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Vũ Văn Thi và nhóm tác giả (1996), *Giáo trình Tiếng Việt cơ sở* (Vietnamese for beginners), khoa tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài, ĐHKHXH và NV, Hà Nội.
9. Nguyễn Việt Hương (1996), *Giáo trình thực hành tiếng Việt - Dùng cho người nước ngoài*, Khoa tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài, ĐHKHXH và NV, Hà Nội.
10. Đinh Thanh Huệ (Chủ biên), Trịnh Đức Hiên (1996), *Sách học Tiếng Việt cho người Lào*, NXB Chính trị Quốc gia Việt Nam.

11. Trần Thị Chung Toàn (2001), *Giáo trình tiếng Việt thực hành - dùng cho người Nhật*, Khoa Đông phương học, ĐHKHXH và NV, Hà Nội
12. Dana Heali (2001), *Tiếng Việt - Vietnamese - A complete course for beginners*, NXB TP. HCM.
13. Robert M. Quyn (1972), *Vietnamese for beginners* - Tiếng Việt cho người mới học - xuất bản ở Mỹ, chương trình Đông Nam Á, Đại học Tổng hợp Conell Mỹ.
14. Trần Đức Vương và John Moore (1994), *Colloquyal Vietnamese - Tiếng Việt hàng ngày* (tiếng Anh).
15. Nguyễn Minh Thuyết biên soạn (1995), *Parlons Vietnamien (Hãy nói Tiếng Việt)*, xuất bản tại Canada, Québec, Université Laval.
16. Nguyễn Thanh Bình (1996), *Tiếng Việt cho người mới học - Vietnamese for beginners*, xuất bản tại Anh, Language Centre, School of Oriental and African Studies (SOAS), University of London.

B. Giáo trình tiếng Việt bậc nâng cao và hoàn thiện

17. Đinh Thanh Huệ (1997), *Giáo trình tiếng Việt nâng cao - Giáo trình Tiếng Việt thực hành dùng cho người nước ngoài*, Khoa tiếng Việt ĐHTH Hà Nội.
18. Nguyễn Thiện Nam (1998), *Giáo trình Tiếng Việt nâng cao - cho người nước ngoài* (Intermediate Vietnamese), Khoa tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài, Hà Nội.
19. Đoàn Thiện Thuật (Chủ biên) (2001), *Giáo trình thực hành tiếng Việt* (2 tập, trình độ B và C), Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu Văn hoá, ĐHQG Hà Nội, Hà Nội
20. Franklin E. Huffman và Trần Trọng Hải (1980), *An Intermediate Vietnamese Readers* - Tiếng Việt trung cấp - khẩu ngữ, chương trình Đông Nam Á, Đại học Tổng hợp Cornell, Mỹ.